

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *45* /CV-HHS
V/v: *Bổ sung thuyết minh tại BCTC
hợp nhất Q1.2015*

Hải Phòng, ngày 25 tháng 5 năm 2015

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

Trước hết, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy xin gửi tới Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh lời chào trân trọng.

Ngày 21/5/2015, Công ty đã nhận được văn bản số 652/SGDHCM-NY ngày 14/5/2015 của Quý Sở v/v Báo cáo Tài chính hợp nhất Q1.2015.

Thực hiện ý kiến và hướng dẫn của Quý Sở, công ty đã thực hiện bổ sung chi tiết nội dung thuyết minh báo cáo tài chính số 16 (được trình bày tại trang 16) vào báo cáo Tài chính hợp nhất Quý 1.2015. Công ty trân trọng kính đề nghị Quý Sở hỗ trợ công bố thông tin bổ sung để đồng đảo nhà đầu tư và người sử dụng báo cáo được biết.

Công ty cũng đã thực hiện việc đăng tải bổ sung thông tin trên Website của Công ty tại địa chỉ www.hhs.hoanghuy.com.vn

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HHS.

GIÁM ĐỐC



GIAM ĐỐC
Vũ Văn Cảnh

*** Tài liệu đính kèm**

- BCTC hợp nhất Quý 1.2015 được bổ sung nội dung thuyết minh số 16 (trang 16).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2015
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6 - 20

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2015
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		2.029.769.720.298
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	660.973.443.341
1. Tiền	111		589.770.127.779
2. Các khoản tương đương tiền	112		71.203.315.562
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	274.770.266.982
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	129		274.770.266.982
III. Phải thu ngắn hạn	130		90.284.285.429
1. Phải thu khách hàng	131	6	62.630.283.637
2. Trả trước cho người bán	132		19.324.346.537
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136		8.329.655.255
IV. Hàng tồn kho	140	7	832.014.315.751
1. Hàng tồn kho	141		832.821.607.360
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(807.291.609)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		171.727.408.795
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		323.115.137
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		45.028.889.951
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		2.310.324.360
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	8	124.065.079.347
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		263.328.285.937
I. Tài sản cố định	220		10.272.059.574
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	10.272.059.574
- Nguyên giá	222		11.436.824.073
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.164.764.499)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	252.986.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		252.986.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		70.226.363
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		70.226.363
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.293.098.006.235

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		930.168.055.085
(300=310+330)			
I. Nợ ngắn hạn	310		930.168.055.085
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	275.600.000.000
2. Phải trả người bán	312	11	491.457.722.941
3. Người mua trả tiền trước	313		77.252.896.615
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		10.765.678.671
5. Chi phí phải trả	316		4.623.500.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	47.772.953.576
7. Dự phòng phải trả nợ ngắn hạn	320		14.230.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		8.465.303.282
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.362.929.951.150
(400=410)			
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	13	1.362.929.951.150
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.109.955.570.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.109.955.570.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.039.572.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		12.498.307.394
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		140.971.803
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		140.971.803
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		224.806.676.329
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		33.344.467.807
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		191.462.208.522
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.347.881.821
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			
(440=300+400+500)	440		2.293.098.006.235



Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 15 tháng 4 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 31/3/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	593.946.142.785
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		593.946.142.785
3. Giá vốn hàng bán	11	15	514.735.161.995
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		79.210.980.790
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.000.784.571
6. Chi phí tài chính	22		1.937.092.810
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.200.177.612
7. Chi phí bán hàng	25		1.355.423.571
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.579.454.466
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		77.339.794.514
10. Thu nhập khác	31		121.081.646.846
11. Chi phí khác	32		1.102.000.000
12. Lợi nhuận khác	40	16	119.979.646.846
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		197.319.441.360
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.822.892.178
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		191.496.549.182
16. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		191.462.208.522
17. LN sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		34.340.660

Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu

Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 15 tháng 4 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 31/3/2015
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	650.168.981.541
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(189.459.062.213)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(801.560.000)
Tiền chi trả lãi vay	04	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(860.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.002.339.727)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	446.046.019.601
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(17.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	23.267.472.610
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(40.660.652.614)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(34.893.180.004)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	217.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(419.167.831.980)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(54.592.103.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(256.759.935.830)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	154.392.903.767
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	506.580.539.574
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	660.973.443.341

Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu

Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 15 tháng 4 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần 1 ngày 30/05/2008, thay đổi lần 2 ngày 25/12/2008, thay đổi lần 3 ngày 07/05/2009, thay đổi lần 4 ngày 12/11/2010; thay đổi lần 5 ngày 28/03/2011; thay đổi lần thứ 6 ngày 10/07/2012; thay đổi lần thứ 7 ngày 13/09/2012; thay đổi lần thứ 8 ngày 22/07/2013; lần thứ 9 ngày 20/10/2014.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh là: 1.109.955.570.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh ô tô tải, do đó kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là dưới 12 tháng.

Cấu trúc tập đoàn:

Công ty con:

Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ Hoàng Giang

Địa chỉ: Km 9 Quốc lộ 5, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,78%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,78%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết

định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo chính sách kế toán của Công ty: linh kiện chậm luân chuyển từ 12 tháng đến 18 tháng trích lập dự phòng 40%, từ 18 tháng đến 24 tháng trích lập 70%.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông.

Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, Công ty đã trích lập dự phòng chi phí bảo hành bán hàng theo các hợp đồng bán hàng tương đương với 01% /tổng doanh thu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh

doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật”.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/3/2015
	VND
Tiền mặt	472.135.136.656
Tiền gửi ngân hàng	117.634.991.123
Các khoản tương đương tiền (*)	71.203.315.562
Cộng	660.973.443.341

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng Thương mại cổ phần.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/3/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
<i>Ngắn hạn</i>	<i>274.770.266.982</i>	<i>274.770.266.982</i>	-
Tiền gửi có kỳ hạn (1)	274.770.266.982	274.770.266.982	-
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>180.000.000.000</i>	<i>180.000.000.000</i>	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết (2)	180.000.000.000	180.000.000.000	-

(1) Phản ánh các khoản tiền gửi kỳ hạn dưới 12 tháng tại các tổ chức tín dụng

(2) Chi tiết như sau:

	31/3/2015	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	8.000.000	80.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	10.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH Prukca Việt Nam	-	74.088.000.000
Cộng	18.000.000	254.088.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, tòa nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	45	40	Kinh doanh đầu kéo
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viêt Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Prukca Việt Nam	Phòng A, tầng 8 tòa nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê chân, Hải Phòng	36,00	36,00	Xây dựng nhà, kinh doanh bất động sản

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/3/2015
	VND
<i>Phải thu của khách hàng</i>	
Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Hồng Sơn Star	7.677.000.000
DNTN thương mại Quốc Tú	3.280.000.000
Công ty CPTM và dịch vụ Sơn Phương	2.600.000.000
Công ty TNHH TM XNK HC Việt Nam	1.692.800.000
Công ty TNHH Minh Tâm	1.745.000.000
Công ty TNHH MTV cứu hộ Pjico Hải Phòng	1.325.000.000
Công ty TNHH TM ô tô xăng dầu Việt Hải	1.801.000.000
DNTN TMDV Xuân Thủy Lộc Phát	1.025.000.000
Công ty CP thương mại Hà Nam	1.865.000.000
Đặng Hữu Cường	1.237.500.000
Đào Xuân Hiệu	1.205.000.000
Các đối tượng khác	37.176.983.637
Cộng	62.630.283.637

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/3/2015
	VND
Ký cược, ký quỹ	124.065.079.347
Cộng	124.065.079.347

8. HÀNG TỒN KHO

	31/3/2015
	VND
Nguyên liệu, vật liệu	122.324.569.853
Thành phẩm	8.921.092.390
Hàng hoá	701.575.945.117
Cộng giá gốc hàng tồn kho	832.821.607.360
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(807.291.609)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	832.014.315.751

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2015	10.495.301.820	343.216.798	10.838.518.618
Mua trong năm	598.305.455	-	598.305.455
Tại 31/3/2015	11.093.607.275	343.216.798	11.436.824.073
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2015	587.066.381	221.185.492	808.251.873
Khấu hao trong năm	349.964.625	6.548.001	356.512.626
Tại 31/3/2015	937.031.006	227.733.493	1.164.764.499
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2015	9.908.235.439	122.031.306	10.030.266.745
Tại 31/3/2015	10.156.576.269	115.483.305	10.272.059.574

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/3/2015
	VND
Vay mở LC ngân hàng ACB- CN Hải Phòng	55.600.000.000
Vay mở LC ngân hàng Liên Việt- CN Hải Phòng	220.000.000.000
Cộng	275.600.000.000

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/3/2015	
	USD	VND
Các đối tượng nước ngoài	22.834.799	484.544.142.941
Các đối tượng trong nước	-	6.913.580.000
Cộng	22.834.799	491.457.722.941

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/3/2015
	VND
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47.074.020.000
Khoản phải trả khác	698.933.576
Cộng	47.772.953.576

(*) Ngày 15/12/2010 Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước 2,261,000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND tại ngày 31/12/2014) cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

THIỆT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

uyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng công VND
Tại ngày 01/01/2015	573.642.410.000	14.116.236.000	12.780.251.000	148.071.868.807	748.610.765.807
Tăng vốn trong năm (*)	478.950.000.000	-	-	-	478.950.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	57.363.160.000	-	-	(57.363.160.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	191.462.208.522	191.462.208.522
Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	(57.364.241.000)	(57.364.241.000)
Giảm khác	-	(76.664.000)	-	-	(76.664.000)
Tại ngày 31/3/2015	1.109.955.570.000	14.039.572.000	12.780.251.000	224.806.676.329	1.361.582.069.329

(*) Theo Nghị quyết đại hội cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHCD ngày 28/01/2015, Đại hội thông qua phân phối lợi nhuận như sau: trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% tương ứng với 57.364.241.000 đồng; Thực hiện tăng vốn điều lệ bằng việc chia cổ phiếu thưởng và phát hành cổ phiếu hoán đổi, chi tiết phương án như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Phương án phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ.

Theo Nghị Quyết số 01/2015/NQ-ĐHCD ngày 28/01/2015 của đại hội đồng cổ đông Công ty:

- Thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 573.642.410.000 đồng lên thêm là 57.364.241.000 đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức. Cụ thể, Công ty thực hiện việc phát hành 5.736.424 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu), và

- Thông qua việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ Hoàng Giang theo tỷ lệ 1:1 với số lượng 47.895.500 cổ phiếu tương ứng 478.955.550.000 đồng (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu của Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang sẽ được hoán đổi 01 cổ phiếu mới của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy).

Đến ngày 31/3/2015 Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 53.631.316 cổ phiếu tương ứng làm tăng vốn điều lệ của Công ty thêm là 536.313.160.000 đồng (Vốn điều lệ của Công ty tăng từ 573.642.410.000 đồng lên 1.109.955.570.000 đồng).

Cổ phiếu

	31/3/2015
	(Cổ phiếu)
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	110.995.557
+ Cổ phiếu phổ thông	110.995.557
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-
+ Cổ phiếu phổ thông	110.995.557

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Đến ngày 31/3/2015, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn chủ sở hữu theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua từ 573.642.410.000 đồng lên 1.109.955.570.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm 31/3/2015:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số cổ phiếu (Cổ phiếu)	Giá trị vốn góp tại 31/3/2015 (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Đỗ Hữu Hạ	24.366.739	243.667.390.000	21,95
2	Ông Đỗ Hữu Hậu	10.625.175	106.251.750.000	9,57
3	Cổ đông khác	76.003.643	760.036.430.000	68,48
	Cộng	110.995.557	1.109.955.570.000	100,00

14. DOANH THU

	Từ 01/01/2015 đến 31/3/2015 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
Trong đó:	
- Doanh thu bán hàng	593.743.173.823
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	202.968.962
Cộng	593.946.142.785

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2015 đến 31/3/2015 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	514.519.642.844
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	215.519.151
Cộng	514.735.161.995

16. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 31/3/2015 VND
Lãi từ giao dịch do mua rẻ công ty con (*)	119.527.895.446
Tiền thu từ các khoản nợ khó đòi đã xóa sổ	1.553.751.400
Thu nhập khác	121.081.646.846
Chi phí khác	-
Lợi nhuận khác	121.081.646.846

(*) Ngày 28/1/2015, HHS đã có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ trong đó thông qua việc HHS phát hành tối đa 47.895.000 cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu với Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang.

Ngày 11/3/2015, HHS đã hoàn tất công tác phát hành 47.895.000 cổ phần nêu trên theo Văn bản xác nhận số 1059/UBCK-QLPH của UBCK Nhà nước ngày 11/3/2015. Theo đó, Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang chính thức trở thành công ty con của HHS tại thời điểm này.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang tại thời điểm 11/3/2015 và căn cứ theo các quy định, hướng dẫn hiện hành lập báo cáo hợp nhất của HHS thì giao dịch nêu trên có phát sinh khoản lãi từ giao dịch HHS mua rẻ Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang (bắt lợi thương mại hay còn gọi là lợi thế thương mại âm).

Ngoài ra, theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thì Công ty mẹ được phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu mức không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ.

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2015 đến 31/3/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí mua hàng	519.488.900.091
Chi phí nhân công	742.160.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	356.512.626
Chi phí khác	82.467.315
Cộng	520.670.040.032

18. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN LIÊN DOANH VỚI CÔNG TY TNHH PRUKSA INTERNATIONAL

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Prukسا International thành lập Công ty TNHH Prukسا Việt Nam để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 021022000215 ngày 02/01/2013, điều chỉnh lần 1 ngày 11/02/2015 để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng; tổng mức Đầu tư giai đoạn 1 của dự án là 1.029.000.000 đồng (trong đó, vốn điều lệ là 205.800.000.000 đồng); chứng chỉ quy hoạch số 143/CCQH ngày 25/10/2010 do Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó, diện tích đất dự kiến sử dụng là 21,15 ha.

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày lập Báo cáo như sau:

	31/3/2015 VND
Các khoản vay	275.600.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	660.973.443.341
Nợ thuần	385.373.443.341
Vốn chủ sở hữu	1.361.582.069.329
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	28,30%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	<u>31/3/2015</u>
	<u>VND</u>
Tài sản tài chính	
Tiền và các khoản tương đương tiền	660.973.443.341
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.284.285.429
Các khoản ký quỹ	124.065.079.347
Tổng cộng	<u>1.150.093.075.099</u>
Công nợ tài chính	
Các khoản vay	275.600.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	539.230.676.517
Chi phí phải trả	4.623.500.000
Tổng cộng	<u>819.454.176.517</u>

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện phần lớn giao dịch mua hàng hóa có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

20. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 31/3/2015 là báo cáo hợp nhất đầu tiên của Công ty, do đó không có số liệu so sánh



Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 15 tháng 04 năm 2015